

**TÔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

## TÔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

#### Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0300625210 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 1 tháng 9 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 9 ngày 17 tháng 12 năm 2019.

#### Hội đồng Thành viên

Ông Phạm Huy Bình	Chủ tịch
Ông Nguyễn Bình Minh	Thành viên
Ông Võ Văn Tuấn	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Bình Minh	Tổng Giám Đốc (Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2019)
Ông Võ Anh Tài	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Nguyễn Đông Hòa	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Trương Tấn Sơn	Phó Tổng Giám Đốc (Bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2019)
Ông Vương Anh Tuấn	Phó Tổng Giám Đốc (Miễn nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2019)
Ông Tô Tấn Dũng	Phó Tổng Giám Đốc (Miễn nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2019)

#### Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Bình Minh Tổng Giám Đốc

#### Trụ sở chính

23 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

#### Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

## TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn – TNHH Một thành viên (“Tổng Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Tập đoàn hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở các báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 55. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Bình Minh  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 28 tháng 5 năm 2020

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CỦA TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH Một thành viên ("Tổng Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2019 và được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 28 tháng 5 năm 2020. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 55.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Trần Thị Thanh Trúc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
3047-2019-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Trâm Từ Mai Anh  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
3546-2017-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM9610  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 5 năm 2020

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2019 VND	2018 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>4.865.945.186.525</b>	<b>4.679.280.072.789</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	<b>1.842.170.792.343</b>	<b>1.877.785.982.615</b>
111	Tiền		350.649.493.111	917.224.281.294
112	Các khoản tương đương tiền		1.491.521.299.232	960.561.701.321
<b>120</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>2.005.733.872.207</b>	<b>1.778.748.457.581</b>
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	2.005.733.872.207	1.778.748.457.581
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>782.875.541.667</b>	<b>762.380.561.397</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	416.715.725.198	312.806.118.216
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		119.576.596.521	137.859.126.073
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	300.872.199.916	360.025.698.336
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(60.091.219.718)	(48.310.381.228)
139	Tài sản thiếu chờ xử lý		5.802.239.750	-
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>		<b>187.864.185.608</b>	<b>149.332.717.346</b>
141	Hàng tồn kho		187.864.185.608	149.332.717.346
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>47.300.794.700</b>	<b>111.032.353.850</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		26.819.610.695	24.085.600.555
152	Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	13	16.095.842.956	15.506.470.554
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	4.385.341.049	71.440.282.741

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 55 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2019 VND	2018 VND
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>7.255.032.236.460</b>	<b>7.223.539.592.797</b>
<b>210</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>53.575.276.869</b>	<b>58.170.968.648</b>
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	53.575.276.869	58.170.968.648
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>2.086.466.737.606</b>	<b>2.139.749.590.078</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	1.894.873.157.039	1.950.197.824.150
222	Nguyên giá		4.324.132.435.115	4.184.089.457.374
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.429.259.278.076)	(2.233.891.633.224)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	191.593.580.567	189.551.765.928
228	Nguyên giá		278.582.549.058	264.865.269.058
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(86.988.968.491)	(75.313.503.130)
<b>230</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	10	<b>13.364.218.392</b>	<b>15.574.169.955</b>
231	Nguyên giá		89.211.835.425	92.147.051.105
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(75.847.617.033)	(76.572.881.150)
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>643.878.629.268</b>	<b>574.311.442.600</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	643.878.629.268	574.311.442.600
<b>250</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>4.330.023.091.660</b>	<b>4.310.504.181.163</b>
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	5(a)	3.655.775.531.201	3.639.384.120.704
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5(b)	738.397.831.566	735.270.331.566
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	5(c)	(64.150.271.107)	(64.150.271.107)
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>127.724.282.665</b>	<b>125.229.240.353</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	8	127.721.282.665	125.226.240.353
268	Tài sản dài hạn khác		3.000.000	3.000.000
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>12.120.977.422.985</b>	<b>11.902.819.665.586</b>

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 55 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2019 VND	2018 VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.739.908.116.972</b>	<b>2.109.138.265.832</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.403.882.726.410</b>	<b>1.764.370.773.508</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	162.909.764.244	154.884.429.070
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		306.536.366.887	211.700.268.060
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	211.540.914.973	112.783.984.909
314	Phải trả người lao động		181.770.858.065	161.008.296.208
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	14	134.747.332.396	167.951.798.740
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		103.722.399.248	70.016.559.466
319	Phải trả ngắn hạn khác	15(a)	105.296.457.474	743.046.220.736
320	Vay ngắn hạn	16(a)	42.797.300.426	35.452.079.751
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	154.561.332.697	107.527.136.568
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>336.025.390.562</b>	<b>344.767.492.324</b>
332	Người mua trả tiền trước dài hạn		5.739.116.250	4.035.000.231
337	Phải trả dài hạn khác	15(b)	97.752.630.323	130.829.224.867
338	Vay dài hạn	16(b)	182.241.426.454	155.297.541.213
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	18	16.125.287.455	20.438.795.933
343	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		34.166.930.080	34.166.930.080
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>10.381.069.306.013</b>	<b>9.793.681.399.754</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>10.381.069.306.013</b>	<b>9.793.681.399.754</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	19, 20	6.410.755.000.000	7.018.394.876.222
414	Vốn khác của chủ sở hữu	20	421.550.729.181	126.188.509
418	Quỹ đầu tư phát triển	20	438.167.235.547	19.953.204.182
419	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	20	-	-
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	20	2.367.652.784.542	2.016.145.692.060
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		1.594.596.916.033	1.263.536.583.289
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		773.055.868.509	752.609.108.771
429	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	21	742.943.556.743	739.061.438.781
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>12.120.977.422.985</b>	<b>11.902.819.665.586</b>

Trần Văn Huy  
Người lập

Trần Doãn Định  
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Bình Minh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 28 tháng 5 năm 2020

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 55 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2019 VND	2018 VND
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.153.233.875.778	6.651.909.939.799
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	(186.451.365)	(844.702.602)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.153.047.424.413	6.651.065.237.197
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(5.868.504.957.766)	(5.490.403.512.994)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.284.542.466.647	1.160.661.724.203
21	Doanh thu hoạt động tài chính	394.722.737.166	302.851.795.559
22	Chi phí tài chính	(22.226.037.128)	(15.405.514.680)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(16.797.343.759)	(11.327.466.157)
24	Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	382.103.951.964	388.290.245.417
25	Chi phí bán hàng	(188.042.915.128)	(187.526.171.602)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(599.166.592.674)	(552.221.240.366)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.251.933.610.847	1.096.650.838.531
31	Thu nhập khác	33.925.588.572	43.831.433.408
32	Chi phí khác	(7.848.912.463)	(6.596.104.573)
40	Lợi nhuận khác	26.076.676.109	37.235.328.835
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.278.010.286.956	1.133.886.167.366
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(188.300.429.003)	(137.184.989.206)
52	Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	4.313.508.478	(13.316.599.115)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.094.023.366.431	983.384.579.045
	Phân bổ cho		
61	Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty	1.049.521.181.674	948.765.900.334
62	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	44.502.184.757	34.618.678.711

Trần Văn Huy  
Người lập

Trần Doãn Định  
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Bình Minh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 28 tháng 5 năm 2020



Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 55 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2019 VND	2018 VND
<b>LƯU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1.278.010.286.956</b>	<b>1.133.886.167.366</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư	189.561.952.553	163.528.882.566
03	Các khoản dự phòng	11.780.838.490	8.919.038.435
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	284.265.505	(1.953.413.052)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(778.699.325.653)	(682.000.428.361)
06	Chi phí lãi vay	16.797.343.759	11.327.466.157
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>717.735.361.610</b>	<b>633.707.713.111</b>
09	Giảm các khoản phải thu	625.282.234.237	531.115.170.143
10	Tăng hàng tồn kho	(38.531.468.262)	(15.472.648.331)
11	Giảm các khoản phải trả	(696.862.610.769)	(123.045.695.667)
12	Tăng chi phí trả trước	(4.245.509.984)	(49.407.493.099)
14	Tiền lãi vay đã trả	(17.021.177.720)	(11.317.752.218)
15	Thuế TNDN đã nộp	(69.265.563.997)	(109.608.002.212)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	3.274.595.289	2.691.826.515
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(117.164.541.544)	(118.439.007.598)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>403.201.318.860</b>	<b>740.224.110.644</b>
<b>LƯU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(257.025.684.667)	(236.938.997.425)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	2.022.325.698	4.800.505.364
23	Tiền chi đầu tư tài chính ngắn hạn	(4.800.324.952.346)	(2.968.133.629.760)
24	Tiền thu từ đầu tư tài chính ngắn hạn	4.573.339.537.720	2.799.355.970.455
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(75.838.356.000)	(7.000.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.000.000.000	56.690.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	280.900.340.258	339.765.142.590
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(271.926.789.337)</b>	<b>(11.461.008.776)</b>

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 55 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2019 VND	2018 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	522.099.000
33	Tiền thu đi vay	104.599.746.141	106.263.854.842
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(70.310.640.225)	(64.905.489.721)
36	Tiền chi cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(201.145.244.331)	(826.816.001.045)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	<b>(166.856.138.415)</b>	<b>(784.935.536.924)</b>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	<b>(35.581.608.892)</b>	<b>(56.172.435.056)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	1.877.785.982.615
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		970.074.186
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<b>1.842.170.792.343</b>


Trần Văn Huy  
Người lập

Trần Doãn Định  
Giám đốc Tài chínhNguyễn Bình Minh  
Tổng Giám Đốc  
Ngày 28 tháng 5 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn – TNHH Một thành viên (“Tổng Công ty”) là Doanh nghiệp Nhà nước hạch toán kinh tế độc lập, được thành lập theo Quyết định số 1833/QĐ-UB-KT ngày 30 tháng 3 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và được chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình Công ty Mẹ - Công ty con theo Quyết định số 3665/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo quyết định số 3137/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc “phê duyệt Đề án chuyển đổi Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn hoạt động theo mô hình Công ty Mẹ - Công ty con thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên theo hình thức Công ty Mẹ - Công ty con”, Tổng Công ty đã chính thức chuyển sang mô hình Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2010 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300625210 ngày 1 tháng 9 năm 2010 (đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 17 tháng 12 năm 2019) do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tổng Công ty có trụ sở chính đặt tại số 23 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là:

- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, tổ chức các cuộc hội thảo, hội nghị quốc tế;
- Dịch vụ vũ trường, sauna – massage, karaoke, nhà hàng có ca nhạc, business center, đại lý bán vé, giữ chỗ máy bay quốc nội và quốc ngoại, salon de beauty (chăm sóc sắc đẹp), cắt, uốn tóc, cho thuê xe, giữ xe hồ bơi, du thuyền trên sông Sài Gòn, giặt ủi, làm sạch hàng may công nghiệp, may trang bị và trang phục cho khách sạn, các mặt hàng khăn dệt, nhuộm một số mặt hàng may công nghiệp, gia công chế biến các mặt hàng inox phục vụ cho các nhà hàng, khách sạn;
- Dịch vụ ăn uống cố định, lưu động và theo hợp đồng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: dịch vụ cảng Sông, cảng biển; dịch vụ cung ứng tàu biển và các phương tiện vận tải đường sông, đại lý tàu biển và môi giới hàng hải; đại lý bán vé tàu hỏa; hoạt động của đại lý bán vé máy bay;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài (tại Khách sạn Cửu Long, khách sạn Đồng Khởi, khách sạn Bến Thành và khách sạn Đệ Nhất) thuộc hệ thống khách sạn của Tổng Công ty;
- Các dịch vụ cung ứng theo nhu cầu khách hàng: thông tin, giao dịch, thương mại, bán hàng miễn thuế, tiếp thị, văn hóa thể thao, chuyển tiền kiều hối, tư vấn đầu tư;
- Đại lý ký gửi hàng hóa, thu đổi ngoại tệ;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Dịch vụ quảng cáo, trưng bày, giới thiệu hàng hóa;
- Lữ hành nội địa, quốc tế, vận chuyển khách du lịch;
- Vận chuyển khách du lịch bằng đường thủy;
- Vận tải hàng hóa và hành khách đường thủy;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Kinh doanh địa ốc, dịch vụ nhà đất;

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)**

- Cho thuê kho bãi, nhà, ki-ốt, quầy sạp, cửa hàng kinh doanh, căn hộ, văn phòng;
- Kinh doanh taxi;
- Sản xuất nước đá;
- Sản xuất, chế biến thực phẩm bánh kem, bánh trung thu, bánh mỳ, bánh ngọt, kẹo, thực phẩm khô các loại;
- Sản xuất nước tinh khiết;
- Mở trường đào tạo về chuyên ngành du lịch, dạy lái xe, dạy nghề về xuất khẩu lao động và xuất khẩu lao động;
- Thiết kế thi công, sửa chữa, trang trí nội, ngoại thất, khách sạn, nhà hàng;
- Mua bán rau quả, hải sản chế biến, hàng thủ công mỹ nghệ, thiết bị vật tư, hàng hóa tiêu dùng, hóa chất;
- Mua bán thức ăn gia súc, tôm cá, nông sản các loại (trừ gạo), gas các loại, điện thoại, máy fax, điện thoại di động, mobicard, các loại hoa, lá, cây cảnh, các loại gạch, ngói xây dựng, các sản phẩm dệt và may mặc, túi xách, cặp, vali bằng các loại vải, da, giả da, giày dép các loại, các sản phẩm bằng gỗ đã chế biến;
- Mua bán các mặt hàng công nghệ phẩm tiêu dùng, rượu, bia các loại (kể cả làm đại lý), chế biến bia tươi, thuốc lá điếu sản xuất trong nước;
- Đại lý, môi giới, đấu giá: đại lý các mặt hàng tiểu thủ công mỹ nghệ, ký gửi hàng hóa;
- Đại lý bảo hiểm;
- Đại lý bán vé tàu hỏa; và
- Cho thuê mặt bằng và tổ chức triển lãm, hội nghị và hội chợ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty có 13 chi nhánh là các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

- Khách sạn Bến Thành;
- Khách sạn Cửu Long;
- Khách sạn Đồng Khởi;
- Khách sạn Hoàn Cầu;
- Làng du lịch Bình Quới;
- Khách sạn Kim Đô;
- Khách sạn Đồng Khánh;
- Khách sạn Thiên Hồng;
- Khách sạn Đệ Nhất;
- Trường trung cấp Du lịch và Khách sạn Saigontourist;
- Chi nhánh Tổng Công ty tại Côn Đảo;
- Khách sạn Oscar Sài Gòn; và
- Chi nhánh Tổng Công ty tại Thành phố Móng Cái.